TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-ST
Ngày: 23-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Nương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Đình Ngân.
2. Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1959 (Có mặt).

Cư trú tại: Số A, đường Hoàng Lê K, Khu phố B, phường C, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị K, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Tổ D, ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (Có mặt).
2. Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Tổ D, ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/01/2018 của nguyên đơn bà Phan Thị H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bà H trình bày:

Ngày 01/8/2017 bà có cho bà K mượn số tiền 40.000.000 đồng gốc, lãi là 3%/tháng, khi mượn tiền bà Lê Thị K có làm giấy mượn tiền ký tên. Theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thanh T1 phải ký tên và làm giấy bảo lãnh thì bà mới cho bà K mượn tiền. Sau khi bà T và ông T1 ký tên vào giấy bảo lãnh thì bà mới đưa tiền cho bà K mượn. Cùng buổi sáng ngày 01/8/2017 bà K ký tên vào giấy mượn tiền xong thì bà đưa tiền tại quán cà phê Kim Ngân, cũng tại đây bà K có trả trước cho bà 2.000.000 đồng tiền lãi. Khi ông T1 ký tên vào giấy bảo lãnh là cùng ngày nhưng ông T1 ghi nhầm ngày là ngày 01/8/2007, thực tế ngày 01/8/2017. Giấy bảo lãnh này ông T1 tự viết tại nhà, ông T1 ghi tên ông và tên bà T vào, nhưng chỉ có ông T1 ký tên, bà T không ký tên. Thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, cho vay thời gian 10 ngày từ ngày 01/8/2017 đến ngày 10/8/2017 sẽ trả. Mục đích cho vay làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K, cho đến nay bà K chưa trả cho khoản tiền gốc và lãi nào cả. Bà K cho rằng đã trả cho bà T xong thì bà K tự giải quyết với bà T. Về tiền lãi bà K trình bày là 5.000đ/1 ngày/1.000.000 đồng là không đúng, bà chỉ cho vay có 3%/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà K, ông T1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tình từ ngày 23/8/2017, đồng ý khấu trừ số tiền lãi 2.000.000 đồng bà đã nhận trước.

Bị đơn bà Lê Thị K trình bày trong quá lấy lời khai và hòa giải:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà H về việc vay tiền, tuy nhiên có những vấn đề khác nhau như sau: Ngày 01/8/2017 bà có làm giấy mượn của bà H số tiền 40.000.000 đồng gốc, bà ký tên và ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền. Bà Nguyễn Thị T, ông Võ Thanh T1 là người ký giấy bảo lãnh cho bà vay số tiền trên, thời gian vay từ ngày 01/8/2017 đến ngày 10/8/2017. Tuy nhiên đến hạn bà chưa có tiền trả cho bà H mà đến ngày 12/9/2017 bà mới có tiền, bà đã đưa cho bà T đủ số tiền 40.000.000 đồng để trả cho bà H xong. Theo thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng/01 ngày là 5.000 đồng, không phải 3% như bà H trình bày. Tiền lãi tổng cộng là 11.000.000 đồng, ngày 12/9/2017 bà đã trả cho bà H được 7.000.000 đồng tiền lãi và 40.000.000 đồng tiền gốc. Hiện tại chỉ còn nợ lại bà H số tiền lãi 4.000.000 đồng, không còn nợ tiền gốc. Do khi ký giấy nợ bà không có đọc nên không biết trong giấy ghi là 3%/tháng.

Nay ra tòa bà H yêu cầu bà trả 40.000.000 đồng tiền gốc và lãi bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả 4.000.000 đồng tiền lãi nhưng khi nào có tiền bà sẽ trả cho bà H, do hoàn cảnh bà rất khó khăn. Bà có đến gặp bà T đòi giấy mượn tiền thì bà T nói quên lấy giấy mượn nợ lại, bà có gặp bà H đòi giấy mượn nợ thì bà H nói

không trả vì bà T còn nợ bà H rất nhiều khi nào bà T trả hết nợ bà mới trả lại giấy nợ, khi trả lãi không làm giấy tờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Võ Thanh T1 trình bày:

Qua lời trình bày của bà K bà thấy hoàn toàn đúng. Vợ chồng bà có nhận đủ tiền của bà K để trả cho bà H như bà K trình bày. Ngày 11/9/2017 bà có qua nhà bà H lúc 19 giờ 30 phút để trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc mà bà K mượn, nhưng do thời điểm trả nợ cho bà H thì trời mưa to nên bà quên đòi lại giấy nợ. Ngày 14/9/2017 khoảng buổi trưa thì bà H có qua nhà bà, lúc đó có một mình bà ở nhà, bà có đưa cho bà H 5.000.000 đồng tiền lãi để trả cho bà K. Sau đó khi bà K đòi bà giấy nợ thì bà có yêu cầu bà H trả lại giấy nợ, thì bà H nói khi nào trả xong tiền lãi mới trả lại giấy nợ. Bà khẳng định bà K đã trả gốc và lãi cho bà H xong chỉ còn nợ lại 4.000.000 đồng tiền lãi. Khi trả lãi không làm giấy tờ gì cả.

Ra tòa vợ chồng bà không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H vì bà đả trả cho bà H số tiền mà bà K mượn xong. Nay bà K chỉ còn nợ 4.000.000 đồng tự bà K trả, không liên quan đến bà và ông T1.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Châu Thành trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Lê Thị K và ông Võ Thanh T1. Buộc bà Lê Thị K và ông Võ Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 23/8/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị K, ông Võ Thanh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt bà K, ông T1.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H thấy rằng: Bà khởi kiện yêu cầu Bà K, ông T1 có trách nhiệm trả cho 40.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ từ ngày 23/8/2017 đến khi kết thúc vụ án, đồng ý khấu trừ số tiền lãi 2.000.000 đồng bà đã nhận trước.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã nộp đầy

đủ các giấy mượn tiền của bà K, thể hiện: Ngày 01/8/2017 bà K ký tên mượn bà H 40.000.000 đồng, ông T1 là người ký tên bảo lãnh.

[3]. Căn cứ trên các giấy mượn tiền, giấy bảo lãnh mà bà H đã cung cấp cho Tòa án. Xét thấy yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận. Ông T1 thừa nhận có ký vào giấy bảo lãnh, bà K ký tên vào giấy mượn nợ cho bà H đối với số tiền 40.000.000 đồng, nhưng bà K đã trả cho bà H xong nợ gốc chỉ còn nợ lại tiền lãi 4.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T1, bà K không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả nợ xong, do đó lời trình bày của ông T1, bà K là không có căn cứ chấp nhận. Trong trường hợp này bà K là người vay tiền nhưng quá thời hạn không trả nợ cho bà H. Ông T1 là người bảo lãnh cho bà K, do đó ông T1 phải có trách nhiệm cùng bà K liên đới trả nợ cho bà H.

[4]. Ngoài ra bà H đồng ý khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng, bà H mà bà đã nhận trước vào tiền gốc là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Xét yêu của bà H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/8/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm, thấy rằng: Do các bên không thống nhất về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 10%/năm. Đối với khoản vay 40.000.000 đồng tính từ ngày 23/8/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2018 là 12 tháng. Thành tiền là 40.000.000 đồng x 0,833% x 12 tháng = 3.998.400 đồng, khấu trừ 2.000.000 đồng tiền lãi đã nhận trước, bà K còn phải trả 1.998.400 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 41.998.400 đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà K, ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 147; Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ vào Điều 335, Điều 342; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Lê Thị K, ông Võ Thanh T1.

Buộc bà Lê Thị K, ông Võ Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 1.998.400 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 41.998.400 (Bốn mươi mốt triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.115.000 (Một triệu một trăm mười lăm nghìn) đồng theo biên lai số 0018741 ngày 30/01/2018.

Bà Lê Thị K, ông Võ Thanh T1 phải chịu 2.099.920 (Hai triệu không trăm chín mươi chín nghìn chín trăm hai mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn Kng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn Kng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Tập án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Kim Nương